TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 76/2023/HNGĐ - ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2023
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Vân

Bà Lê Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 30/5A, tổ 21, khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn C, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số193/16/24 khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông C quen biết nhau do tự tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Do tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông C.

Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Thị Bích Q, sinh ngày 23/02/1999 và Lâm Hữu H, sinh ngày: 17/02/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Văn C không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Lâm Văn C được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng đét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông C. Ông C hiện cư trú tại khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lâm Văn C mặc dù được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông C vẫn không tham dự phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Giữa bà M và ông C đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Văn C là vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà M và ông C có 02 con chung tên Lâm Thị Bích Q, sinh ngày 23/02/1999 và Lâm Hữu H, sinh ngày:

17/02/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ông C vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông C không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà M, ông C được quyền kháng cáo trong theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Văn C.

[2] Về con chung: 02 con chung tên Lâm Thị Bích Q, sinh ngày 23/02/1999 và Lâm Hữu H, sinh ngày: 17/02/2001, đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001567 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 06/4/2023. Bà Miều đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Lâm Văn C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M và ôn Lâm Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Dung